

Số:1241/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ
quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà
nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm
soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục 357 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải
quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền
thông cập nhật, đồng bộ dữ liệu TTHC được phê duyệt tại Quyết định này từ Cơ sở
dữ liệu quốc gia về TTHC về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo
đúng quy định. Đồng thời, xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trình Chủ
tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền
thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC
DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1241/UBND-NC ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính		Thời gian giải quyết TTHC	Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định công bố
Danh mục TTHC thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư					
I. Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam					
1	1	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh			
3	3	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
4	4	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
5	5	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
6	6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
7	7	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
8	8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
9	9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
10	10	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với			

		đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh			
11	11	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày làm việc (07 ngày làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và 05 ngày làm việc tại UBND tỉnh)	05 ngày làm việc	
12	12	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc	
II. Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư					
13	13	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	75 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	15 ngày	Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
14	14	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất			
III. Lĩnh vực Đấu thầu – Lựa chọn nhà đầu tư					
15	15	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày	Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
Danh mục TTHC thuộc Sở Xây dựng					
I. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình					
16	1	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
17	2	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	
II. Lĩnh vực Nhà ở					
18	3	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
19	4	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày	
20	5	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của

		xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn tỉnh			Chủ tịch UBND tỉnh
21	6	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
22	7	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày (60 ngày nếu có tổ chức xét duyệt, chấm điểm hồ sơ)	07 ngày (10 ngày)	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
23	8	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
24	9	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	12 ngày	
25	10	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	12 ngày	
26	11	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	12 ngày	
27	12	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	12 ngày	
III. Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng					
28	13	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
29	14	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày	
IV. Lĩnh vực Bất động sản					
30	15	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	7 ngày	Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
Danh mục TTHC thuộc Sở Khoa học và Công nghệ					
I. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ					
31	1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
32	2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày	
33	3	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu	90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày	

		công nghiệp			
II. Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và công nghệ					
34	6	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày ngày làm việc	Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 11/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
35	7	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày ngày làm việc	
36	8	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày ngày làm việc	
37	9	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày ngày làm việc	
38	10	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày ngày làm việc	Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
39	11	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp tỉnh)	- 15 ngày thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch - 60 ngày đối với nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I); - 45 ngày đối với nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II); - 30 ngày đối với nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III); trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV).		Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
40	12	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (Cấp tỉnh)	- 15 ngày thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm, đặc cách - 60 ngày đối với nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I); - 45 ngày đối với nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II); - 15 ngày đối với nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III); trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV).		

			viên (hạng IV).		
41	13	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc	Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
Danh mục TTHC thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế					
I. Lĩnh vực Đầu tư Việt Nam					
42	1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
43	2	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	
44	3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	
45	4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	
46	5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	
47	6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	
48	7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	
49	8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc	

		dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.			
50	9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	05 ngày làm việc	
51	10	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	03 ngày làm việc	
Danh mục TTHC thuộc Sở Công Thương					
I. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương					
52	1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	Quyết định số 905 /QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
Danh mục TTHC thuộc Sở Giao thông vận tải					
I. Lĩnh vực đường thủy nội địa					
53	1	Công bố đóng luồng thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
54	2	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Công bố luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải.	
II. Lĩnh vực Đường bộ					
55	3	Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải quản lý trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
III. Lĩnh vực Đường sắt					
56	4	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	04 ngày làm việc	Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
57	5	Cấp giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc	
58	6	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc	
59	7	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	04 ngày làm việc	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 26/01/20224 của Chủ tịch UBND tỉnh

		đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)			
IV. Lĩnh vực Giao thông vận tải					
60	8	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	2,5 ngày làm việc	Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
61	9	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	1,5 ngày làm việc	
62	10	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	01 ngày làm việc	
V. Lĩnh vực Hàng hải					
63	11	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp	5,5 ngày làm việc	Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
64	12	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	14 ngày làm việc	
65	13	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	- Trong thời gian 30 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình. - Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình.	- Đối với trường hợp bình thường (30 ngày): 14 ngày làm việc. - Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp (chậm nhất sau 03 ngày làm việc): 1,5 ngày làm việc.	
Danh mục TTHC thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội					
I. Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động					
66	1	Thành lập hội đồng thương lượng tập thể	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	06 ngày làm việc	Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

67	2	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc	Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
68	3	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng đối với viên chức quản lý công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu.	Không quy định		Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
69	4	Xếp hạng công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	Không quy định		
II. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp					
70	5	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
71	6	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
72	7	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
73	8	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập thuộc UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
74	9	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập thuộc UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
75	10	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập thuộc UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
76	11	Thủ tục “Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	Quyết định số 1775/QĐ-LĐTBXH ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
77	12	Thủ tục thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc	
78	13	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	04 ngày làm việc	

		ngành, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	sơ hợp lệ		
79	14	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
80	15	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
81	16	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	02 ngày làm việc	
III. Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động					
82	17	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc, cụ thể: - 5,5 ngày tại VP UBND tỉnh; - 01 ngày lãnh đạo UBND tỉnh; - 0,5 ngày tại văn thư UBND tỉnh	Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
83	18	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc, cụ thể: - 5,5 ngày tại VP UBND tỉnh; - 01 ngày lãnh đạo UBND tỉnh; - 0,5 ngày tại văn thư UBND tỉnh	
84	19	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22 ngày làm việc hoặc 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc, cụ thể: - 5,5 ngày tại VP UBND tỉnh; - 01 ngày lãnh đạo UBND tỉnh; - 0,5 ngày tại văn thư UBND tỉnh.	
85	20	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	04 ngày làm việc, cụ thể:	

			sơ hợp lệ	- 2,5 ngày tại VP UBND tỉnh; - 1,0 ngày lãnh đạo UBND tỉnh; - 0,5 ngày tại văn thư UBND tỉnh	
86	21	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc, cụ thể: - 1,5 ngày tại VP UBND tỉnh; - 1,0 ngày lãnh đạo UBND tỉnh; - 0,5 ngày tại văn thư UBND tỉnh	
IV. Lĩnh vực Người có công					
87	22	Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	5 ngày làm việc	Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
Danh mục TTTC thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
I. Lĩnh vực Trồng trọt					
88	1	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	- 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp Giấy chứng nhận bị lỗi do UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức được cấp	05 ngày làm việc	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
89	2	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
90	3	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mới)	- 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp Thẻ bị lỗi do UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ	05 ngày làm việc	
91	4	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (mới)	01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
92	5	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	02 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp giấy chứng nhận có ý kiến	05 ngày làm việc	
93	6	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	02 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến	05 ngày làm việc	

94	7	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	04 ngày làm việc	
95	8	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	24 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ	05 ngày làm việc	
II.Lĩnh vực Thủy lợi					
96	9	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	02 ngày làm việc	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
97	10	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	02 ngày làm việc	
98	11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	1,5 ngày làm việc	
99	12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	02 ngày làm việc	
100	13	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	1,5 ngày làm việc	
111	14	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	2,5 ngày làm việc	
112	15	Cấp giấy phép hoạt động của	07 ngày làm việc, kể	1,5 ngày làm việc	

		phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh.	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		
113	16	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	1,5 ngày làm việc	
114	17	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	02 ngày làm việc	
115	18	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	1,5 ngày làm việc	
116	19	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	1,5 ngày làm việc	
117	20	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	1,5 ngày làm việc	
118	21	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mọc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	2,5 ngày làm việc	
119	22	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	2,5 ngày làm việc	

120	23	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	2,5 ngày làm việc	
121	24	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	02 ngày làm việc	
122	25	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	2,5 ngày làm việc	
123	26	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	2,5 ngày làm việc	
124	27	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Không quy định	Không quy định	
III. Lĩnh vực Khoa học, công nghệ và môi trường					
125	28	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 30 ngày; -Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định: 65 ngày không kể thời gian hoàn thiện hồ sơ	03 ngày làm việc	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
IV. Lĩnh vực Lâm nghiệp					
126	29	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	15 ngày làm việc	
127	30	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	43 ngày làm việc	
128	31	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
129	32	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	15 ngày làm việc	
130	33	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	- 22 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn).	-Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 07 ngày làm việc. -Trường hợp UBND	

			<p>- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn:</p> <p>+ 57 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh.</p> <p>+ 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh.</p>	<p>cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn:</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 07 ngày làm việc + 05 ngày làm việc theo trình tự thực hiện.</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 07 ngày làm việc + 15 ngày làm việc theo trình tự thực hiện.</p>	
131	34	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	<p>- 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).</p> <p>- 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).</p>	10 ngày làm việc	
132	35	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
133	36	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	19 ngày làm việc	
134	37	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
135	38	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc	
V. Lĩnh vực kiểm lâm					
136	39	Quyết định chủ trương chuyên	35 ngày làm việc, kể	15 ngày làm việc	Quyết định số 1042/QĐ-

		mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (48 ngày làm việc nếu diện tích rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành)		UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
137	40	Quyết định giao rừng cho tổ chức	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
138	41	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc	
139	42	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
140	43	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
141	44	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét, Quyết định không quy định thời gian)	15 ngày làm việc	
142	45	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	13 ngày làm việc	
VI. Lĩnh vực Thủy sản					
143	46	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	3,5 ngày làm việc	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
144	47	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 3,5 ngày	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 1,5 ngày - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 3,5 ngày	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

			vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc; + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.		
145	48	Công bố mở cảng cá loại 2	- Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.	1,5 ngày làm việc	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII. Lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn					
146	49	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
147	50	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
148	51	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
149	52	Hỗ trợ dự án liên kết cấp tỉnh	25 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
Danh mục TTHC thuộc Sở Nội vụ					
I.Lĩnh vực nhà nước về chính quyền địa phương					
150	1	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, khu phố mới	15 ngày làmviệc	05 ngày làmviệc	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
151	2	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính	45 ngày làmviệc	15 ngày làm việc	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
II. Lĩnh vực QLNN về Hội					
152	3	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện	15 ngày làmviệc	08 ngày làm việc	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
III. Lĩnh vực tổ chức hành chính					
153	4	Thẩm định đề án vị trí việc làm	Trong 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	08 ngày làm việc	Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
154	5	Thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm	Trong 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	05 ngày làm việc	
IV.Lĩnh vực sự nghiệp công lập					
155	6	Thẩm định đề án vị trí việc làm	Trong 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	08 ngày làm việc	Quyết định số: 922/QĐ-UBND 06/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
156	7	Thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm	Trong 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	05 ngày làm việc	

			đủ hồ sơ hợp lệ		
V. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Tôn giáo					
157	8	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	23 ngày	Quyết định số: 1102/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Phú Yên
158	9	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
159	10	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	23 ngày	
160	11	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
161	12	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
162	13	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
163	14	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
164	15	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
165	16	Thủ tục thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Không quy định	Không quy định	
166	17	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
167	18	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
168	19	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
169	20	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	11,5 ngày	
170	21	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo	Không quy định	Không quy định	

		giáo trực thuộc			
171	22	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	23 ngày	
172	23	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	18 ngày	
173	24	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	18 ngày	
174	25	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Không quy định.	Không quy định	
175	26	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP.	Không quy định	Không quy định	
VI. Lĩnh vực thi đua, khen thưởng					
176	27	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	06 ngày làm việc	Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
177	28	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành tỉnh			
178	29	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi của Bộ, ban, ngành tỉnh			
179	30	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc			
180	31	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành tỉnh theo chuyên đề			
81	32	Thủ tục tặng Cờ thi đua của của Bộ, ban, ngành tỉnh theo chuyên đề			
182	33	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành tỉnh cho hộ gia đình			
183	34	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành tỉnh về thành tích đối ngoại			
184	35	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đột xuất			
Danh mục TTHC thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch					
I. Lĩnh vực thi đua khen thưởng (6 thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước)					
185	1	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	370 ngày; Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một	85 ngày	Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

			lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		
186	2	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	370 ngày; Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	85 ngày	Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
187	3	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.	305 ngày	80 ngày	Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
188	4	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật	305 ngày	80 ngày	
189	5	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân dân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	330 ngày	90 ngày (trong đó Sở VH TTDL: 15 ngày; Hội đồng cấp tỉnh 75 ngày)	Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
190	6	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	330 ngày	90 ngày (trong đó Sở VH TTDL: 15 ngày; Hội đồng cấp tỉnh 75 ngày)	
II. Lĩnh vực Di sản văn hóa (2 TTHC thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ)					
191	7	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	100 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh là 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
192	8	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	100 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thời gian giải quyết tại UBND tỉnh là 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	

III. Lĩnh vực Di sản văn hóa (thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh)					
193	9	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
IV. Lĩnh vực Điện ảnh					
194	11	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	5 ngày	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
V. Lĩnh vực Dịch vụ du lịch					
195	12	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	20 ngày	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
196	13	Thủ tục công nhận điểm du lịch	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày	
VI. Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm					
197	14	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2 ngày làm việc	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
198	15	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2 ngày làm việc	
199	16	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2 ngày làm việc	
VII. Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn					
200	19	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	5 ngày làm việc	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
VIII. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế					
201	20	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền quyết định UBND tỉnh)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	5,5 ngày làm việc	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
202	21	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền quyết định UBND tỉnh)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc	
203	22	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền quyết định UBND tỉnh)	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc	
IX. Lĩnh vực Thư viện					
204	23	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ	4 ngày	Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
205	24	Thủ tục thông báo sáp nhập,	15 ngày, kể từ ngày	04 ngày	

		hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập; thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ		
206	25	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ	4 ngày	
X. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở					
207	26	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	7 ngày	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
208	27	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày	
209	28	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	
210	29	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	
211	30	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3 ngày	
XI. Lĩnh vực quảng cáo					
212	31	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	QĐ số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh
213	32	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	
214	33	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	
XII. Lĩnh vực Thể dục thể thao					
215	34	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	QĐ số 1222/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
216	35	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày	
217	36	Thủ tục đăng cai tổ chức giải	10 ngày, kể từ ngày	03 ngày	

		thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ TƯ PHÁP					
I. Lĩnh vực công chứng					
218	1	Thủ tục Thành lập Văn phòng công chứng	20 ngày		Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
219	2	Thủ tục Hợp nhất Văn phòng công chứng	35 ngày	15 ngày	Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
220	3	Thủ tục Sáp nhập Văn phòng công chứng	35 ngày	15 ngày	
221	4	Thủ tục Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	35 ngày	15 ngày	
222	5	Thủ tục Thành lập Hội công chứng viên	45 ngày	15 ngày	
II. Lĩnh vực nuôi con nuôi					
223	6	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	290 ngày	10 ngày + 15 ngày	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
224	7	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	110 ngày	15 ngày	
225	8	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	50 ngày	15 ngày	
III. Lĩnh vực Thừa phát lại					
226	9	Thủ tục Thành lập Văn phòng thừa phát lại	40 ngày	20 ngày	Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
227	10	Thủ tục Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	15 ngày	
228	11	Thủ tục Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	15 ngày	
229	12	Thủ tục Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	15 ngày	
IV. Lĩnh vực Giám định tư pháp					
230	13	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	20 ngày	10 ngày	Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
231	14	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	30 ngày	20 ngày	
232	15	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày	10 ngày	
233	16	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	15 ngày	
234	17	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	15 ngày	
235	18	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	17 ngày	10 ngày	
Danh mục TTHC thuộc Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					
I. Lĩnh vực Đầu tư					

236	1	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
237	2	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	
238	3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	
239	4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	
240	5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	
241	6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	
242	7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	07 ngày làm việc	
243	8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
244	9	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc	

		chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh			
Danh mục TTHC thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo					
<i>I. Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài</i>					
245	1	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
246	2	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
<i>II. Lĩnh vực Giáo dục dân tộc</i>					
247	3	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	20 ngày làm việc	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
248	4	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
249	5	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	20 ngày làm việc	
<i>III. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</i>					
250	6	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
251	7	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc	
<i>IV. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên</i>					
252	8	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
253	9	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	Không quy định	Không quy định	
254	10	Sáp nhập, chia tách Trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
255	11	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
<i>V. Lĩnh vực Giáo dục Trung học</i>					
256	12	Giải thể trường trung học phổ thông	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	20 ngày làm việc	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
257	13	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
258	14	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
<i>VI. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i>					
259	15	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
260	16	Công nhận huyện đạt chuẩn	Không quy định		

		phổ cập giáo dục, xóa mù chữ			
261	17	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
262	18	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
263	19	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
264	20	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
265	21	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc	Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
266	22	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc	Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
267	23	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
268	24	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
269	25	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
270	26	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
271	27	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện	- Các huyện, thị xã, thành phố gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 4 của năm sau liền kề năm đánh giá. - UBND tỉnh hoàn thành đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 5 của năm sau liền kề năm đánh giá.	Trước ngày 31 tháng 5 của năm sau liền kề năm đánh giá	Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
272	28	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	- Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 01 hàng năm. - UBND tỉnh hoàn thành đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh trước	Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

			ngày 15 tháng 02 hàng năm		
VII. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác					
273	29	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
274	30	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc	
VIII. Lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục					
275	31	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn QG	120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
276	32	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn QG	120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
277	33	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn QG	120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
Sở Tài nguyên và Môi trường					
I. Lĩnh vực đất đai					
278	1	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định là không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - Thời hạn cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định và có văn bản thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn	Đang xây dựng quy trình nội bộ	Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

			<p>bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án gửi tổ chức kinh tế có văn bản đề nghị là không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của cơ quan có chức năng quản lý đất đai.</p> <p>* Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày</p>		
279	2	<p>Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày</p>		
280	3	<p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất</p>	<p>Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày</p>		
281	4	<p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</p>	<p>làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).</p>		

282	5	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất theo quy định		
283	6	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất.		
284	7	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	<p>(1) Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc;</p> <p>(2) Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc). - Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. 		
285	8	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		

		chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao			
286	9	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày.		
287	10	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	- Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày		
288	11	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc,	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 30 ngày		

		người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.		
289	12	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao			
290	13	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất			
291	14	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;		
292	15	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn		
293	16	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài			
294	17	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai Đất đai	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều		

		mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
295	18	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
296	19	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
297	20	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Không quá 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này	

			không tính thời gian Công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ và gửi Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.		
298	21	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật. - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
II. Lĩnh vực môi trường					
299	22	Cấp Giấy phép môi trường	02 trường hợp: - Trường hợp 1: 15 ngày, thời gian thẩm định 10 ngày; thời gian trình phê duyệt 05 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình 02 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt 03 ngày</i>) - Trường hợp 2: 30 ngày, thời gian thẩm định 20 ngày; thời gian trình phê duyệt 10 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình: 6 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt: 04 ngày</i>)	- Trường hợp 1: 03 ngày. - Trường hợp 2: 04 ngày	Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
300	23	Cấp đổi Giấy phép môi trường	10 ngày (<i>Sở TN&MT</i>)	03 ngày	

			<i>kiểm tra nội dung, trình: 07 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt: 03 ngày)</i>		
301	24	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	15 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình: 12 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt: 03 ngày)</i>	03 ngày	
302	25	Cấp lại Giấy phép môi trường	03 trường hợp: - Trường hợp 1: 15 ngày: thời gian thẩm định 09 ngày; thời gian trình phê duyệt 06 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình: 03 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt: 03 ngày)</i> - Trường hợp 2: 20 ngày: thời gian thẩm định 12 ngày; thời gian trình phê duyệt 08 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình: 05 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt: 03 ngày)</i> - Trường hợp 3: 30 ngày: thời gian thẩm định 20 ngày; thời gian trình phê duyệt 10 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình: 06 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt: 04 ngày)</i>	- Trường hợp 1: 03 ngày - Trường hợp 2: 03 ngày - Trường hợp 3: 04 ngày	
303	26	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày: thời gian thẩm định 30 ngày; thời gian trình phê duyệt 20 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình 15 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt 05 ngày)</i>	05 ngày	Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 6/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
304	27	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (<i>báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>)	45 ngày: thời gian thẩm định 30 ngày; thời gian trình phê duyệt 15 ngày (<i>Sở TN&MT kiểm tra nội dung, trình 11 ngày, UBND tỉnh xem xét phê duyệt 04 ngày)</i>	04 ngày	
III. Lĩnh vực Biển và Hải đảo					
305	28	Giao khu vực biển	40 ngày làm việc	5,5 ngày làm việc	Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
306	29	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	37 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	

307	30	Gia hạn Quyết định giao khu vực biển	40 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
308	31	Thu hồi khu vực biển	45 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi khu vực biển vì vì tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển vi phạm một trong các quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.	9,5 ngày làm việc	
			35 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi vì mục đích quốc phòng, an ninh.	9,5 ngày làm việc	
309	32	Trả lại khu vực biển	40 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc	
310	33	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	Đối với dữ liệu đơn giản: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.	1,5 ngày làm việc	
			Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.	5,5 ngày làm việc	
			Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;	7,5 ngày làm việc	
311	34	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	Đối với dữ liệu đơn giản: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.	1,5 ngày làm việc	Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
			Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.	5,5 ngày làm việc	
			-Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;	7,5 ngày làm việc	

IV.Lĩnh vực Tài nguyên Nước					
312	35	Trả lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm)	10 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
313	36	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; Mã TTHC:1.001740	40 ngày làm việc đối với trường hợp không chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh kể từ ngày nhận đề nghị của Chủ đầu tư	07 ngày làm việc	
		60 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh kể từ ngày nhận đề nghị của Chủ đầu tư	07 ngày làm việc		
314	37	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm; Mã TTHC: 1.004232	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	07 ngày làm việc	
315	38	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm; Mã TTHC: 1.004228	31 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	05 ngày làm việc	
316	39	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm; Mã TTHC: 1.004223	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	07 ngày làm việc	
317	40	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm; Mã TTHC: 1.004211	31 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	07 ngày làm việc	
318	41	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	07 ngày làm việc	

		khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm; Mã TTHC: 1.004179			
319	42	Gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm;	31 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	07 ngày làm việc	
320	43	Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm)	16 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
321	44	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (cấp tính)	Thời gian giải quyết thủ tục: Việc tiếp nhận, thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép về tài nguyên nước.		
322	45	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	31 ngày làm việc đối với trường hợp điều chỉnh do điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng TNN	07 ngày làm việc	
			15 ngày làm việc đối với trường hợp khác theo quy định.	05 ngày làm việc	
V. Lĩnh vực Tài nguyên khoáng sản					
323	46	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	Không quá 87 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của

324	47	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Chủ tịch UBND tỉnh	
325	48	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
326	49	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
327	50	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Không quá 184 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
328	51	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Không quá 10 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc		
329	52	Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	- Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 87 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 40 ngày làm việc. - Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Không quá 57 ngày làm việc.	08 ngày làm việc		
330	53	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản;	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ	05 ngày làm việc		
331	54	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ	05 ngày làm việc		
332	55	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
333	56	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
334	57	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
335	58	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Không quá 78 ngày làm việc	08 ngày làm việc		
336	59	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Không quá 33 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
337	60	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Không quá 18 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
338	61	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Không quá 21 ngày làm việc	06 ngày làm việc		
Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quyết định UBND tỉnh ủy quyền giải quyết cho các sở, ngành						
339	1	<i>I. Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và</i>				Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 11/09/2023

		hạt nhân			của Chủ tịch UBND tỉnh.
340	2	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Ủy quyền tại Quyết định số 1480/QĐ- UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
341	3	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Thời hạn ủy quyền: từ 31/10/2023 đến 31/12/2025
342	4	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
343	5	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
344	6	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
345	7	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
346	8	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
		II. Lĩnh vực Điện			
347	1	Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
348	2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	7 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
349	3	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
350	4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	7 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
351	5	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
352	6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	7 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
353	7	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
354	8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	7 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
					Quyết định số 741/QĐ UBND ngày 16/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; Ủy quyền cho Sở Công Thương thực hiện tại Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh

		III. Lĩnh vực Di sản văn hóa			
355	1	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	3 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được UBND tỉnh ủy quyền cấp phép theo Quyết định số 735/QĐ-UBND, ngày 25/5/2012
		IV. Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn			
356	1	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được UBND tỉnh ủy quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn tỉnh Phú Yên tại Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 30/3/2021. Thời hạn ủy quyền được thực hiện từ tháng 4/2021 đến 31/12/2025
357	2	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		